

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 285/CBTT-BKC

Phường Đức Xuân, ngày 29 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Báo cáo tài chính hợp nhất)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

- Mã chứng khoán: BKC
- Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên hệ/Tel: (0209) 3812399
- Email: bkc@backanco.com Website: <http://backanco.com>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2025:

- ☐ BCTC riêng (TCNY không có Công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán/được soát xét):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 05% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/8/2025 tại đường dẫn: <http://backanco.com/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không.

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không.

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm 2025;

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



Nguyễn Văn Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/6/2025)
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên
Ông Lê Minh Khuê	Ủy viên (Bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính riêng và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đình Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 382/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.5 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã thực hiện cấp khoản vay cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại quốc tế Vũ Hoàng, một tổ chức liên quan đến người nội bộ của Công ty với số tiền là 70 tỷ VND chưa phù hợp với các quy định tại Tiết a, Khoản 4, Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Đến ngày 27/8/2025, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền gốc cho vay là 70 tỷ VND và tiền lãi lũy kế đến ngày này là 2.489.205.479 VND.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		333.561.462.076	284.957.202.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.901.190.292	143.694.292.293
1. Tiền	111		24.901.190.292	143.694.292.293
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.797.379.958	39.494.748.451
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	18.497.564.588	21.634.113.469
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	25.072.606.543	22.137.714.378
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	70.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.983.125.273	1.478.837.050
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.755.916.446)	(5.755.916.446)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	171.037.479.043	87.115.328.316
1. Hàng tồn kho	141		172.488.820.027	88.566.669.300
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.825.412.783	14.652.833.271
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	2.871.955.009	5.274.966.011
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.932.369.562	9.356.779.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	21.088.212	21.088.212
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		163.051.472.394	143.089.703.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.393.906.193	2.136.456.485
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	2.393.906.193	2.136.456.485
II. Tài sản cố định	220		40.649.152.985	43.631.497.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	40.649.152.985	43.631.497.699
- Nguyên giá	222		203.381.203.622	202.305.110.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.732.050.637)	(158.673.613.195)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.111.264.959)	(1.111.264.959)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.766.328.741	11.902.048.907
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	14.766.328.741	11.902.048.907
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.570.216.075	28.570.216.075
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	26.690.216.075	26.690.216.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.13	(120.000.000)	(120.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		76.671.868.400	56.849.484.598
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	76.671.868.400	56.849.484.598
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		496.612.934.470	428.046.906.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		249.032.652.993	193.118.509.918
I. Nợ ngắn hạn	310		216.606.196.508	160.692.053.433
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	88.726.250.240	93.590.898.695
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	10.477.186.697	13.439.168.154
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	7.194.423.055	13.390.707.309
4. Phải trả người lao động	314		3.741.566.311	4.003.568.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	6.883.622.753	13.450.388.915
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	6.596.902.786	5.928.780.684
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	92.909.703.916	16.812.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		32.426.456.485	32.426.456.485
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	30.390.000.000	30.390.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.036.456.485	2.036.456.485
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.580.281.477	234.928.396.177
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	247.580.281.477	234.928.396.177
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.576.034.669	84.924.149.369
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		84.924.149.369	33.055.147.517
- đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.651.885.300	51.869.001.852
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		496.612.934.470	428.046.906.095
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	121.422.240.635	162.501.296.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		121.422.240.635	162.501.296.222
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	102.842.946.330	147.491.037.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.579.294.305	15.010.258.650
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.842.832.996	1.813.310.862
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.930.918.340	4.909.086.097
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.931.992.034	4.909.086.097
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	951.702.494	1.234.690.100
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.053.178.584	7.694.998.899
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		14.486.327.883	2.984.794.416
12. Thu nhập khác	31	6.6	2.684.846.268	2.552.080.560
13. Chi phí khác	32	6.6	1.356.317.527	841.815.479
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.328.528.741	1.710.265.081
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		15.814.856.624	4.695.059.497
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.162.971.324	939.011.900
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.651.885.300	3.756.047.597
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12.651.885.300	3.756.047.597
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.078	320
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	539	320

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yên



Đinh Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.814.856.624	4.695.059.497
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.978.523.800	7.483.707.515
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.224.816.147)	(1.809.050.962)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.541.775.935)	(38.880.138)
- Chi phí lãi vay	06		2.931.992.034	4.909.086.097
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.958.780.376	15.239.922.009
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.524.712.824)	23.705.036.532
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83.922.150.727)	(16.094.956.180)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.210.878.945)	7.492.372.937
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.419.372.800)	(3.340.738.231)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.786.972.307)	(4.402.433.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.000.502.825)	(924.757.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(124.905.810.052)	21.674.445.987
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.403.269.956)	(10.976.798.590)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		186.400.000	77.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.432.800.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.057.944	4.259.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.209.812.012)	(17.328.065.963)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		104.211.562.300	124.403.761.582
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.113.858.384)	(105.709.673.646)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76.097.703.916	18.694.087.936
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(123.017.918.148)	23.040.467.960
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	143.694.292.293	27.424.122.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.224.816.147	1.809.050.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	24.901.190.292	52.273.641.344

Người lập biểu

Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Hiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK CORPORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 341 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chưng, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau:

- Mỏ chì - kẽm Nà Bộp - Pù Sáp: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2528/GP-BTNMT ngày 12/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thời hạn khai thác 16 năm kể từ ngày cấp;
- Mỏ chì - kẽm Nà Duồng: Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1216/GP-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn, thời hạn khai thác 10 năm kể từ ngày cấp.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn; địa chỉ: Thôn Lũng Văng, Xã Chợ Đồn, Thái Nguyên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên; Địa chỉ: Mỏ Phú Đô, thôn Cầu Đá, Xã Phú Lương, Thái Nguyên.
- Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn; địa chỉ: Phường Đức Xuân, Thái Nguyên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội; địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Nam Anh, số 68/116 phố Nhân Hòa, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Chợ Đồn; địa chỉ: Thôn Liên Thủy, xã Chợ Đồn, Thái Nguyên (Thành lập ngày 09/5/2025 theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT ngày 09/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty).
- Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng; địa chỉ: Thôn Nà Duồng, Xã Chợ Đồn, Thái Nguyên (Giải thể từ ngày 01/6/2025 theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐQT ngày 29/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty).
- Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp; Địa chỉ: Thôn Bản Lắc, Xã Chợ Đồn, Thái Nguyên (Giải thể từ ngày 01/6/2025 theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐQT ngày 29/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty).

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Kẽm chì 9999 (*)	Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, xã Thanh Thịnh, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	80%	80%	80%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Tổ 11A, Phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%	26,5%

- (*) Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐQT ngày 05/6/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt đầu tư 144 tỷ VND (tương ứng 80% vốn điều lệ) góp vốn với các cổ đông khác thành lập Công ty Cổ phần Kẽm chì 9999.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và Công ty con là Công ty Cổ phần Kẽm chì 9999.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào, Công ty liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 - 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

- Chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc;
- Chi phí trích trước khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các Cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và rượu thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	56.287.565	108.675.736
Tiền gửi ngân hàng	24.844.902.727	143.585.616.557
Tổng	24.901.190.292	143.694.292.293

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Khoản trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Số lượng: 20.000 trái phiếu. Mệnh giá: 100.000 VND. Kỳ hạn: 10 năm. Ngày đáo hạn: 01/11/2033. Lãi suất: Lãi suất tham chiếu +1,3%/năm.

Tại ngày 30/6/2025 toàn bộ các trái phiếu này đã được cầm cố cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	18.497.564.588	21.634.113.469
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	11.446.876.150	11.946.876.150
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Phúc Hưng	2.119.340.600	2.119.340.600
Các đối tượng khác	2.040.947.218	4.677.496.099
Tổng	18.497.564.588	21.634.113.469
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>14.337.276.770</i>	<i>14.837.276.770</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Thành Quý	8.310.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khoa học Kỹ thuật Bảo vệ Môi trường Trung Việt	3.389.400.000	2.349.850.000
Traxys Europe S.A	3.414.588.143	3.371.843.363
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	1.648.549.791	736.135.051
ALPHA MINERALS CO.,LIMITED	-	8.140.758.478
Các đối tượng khác	8.310.068.609	7.539.127.486
Tổng	25.072.606.543	22.137.714.378

5.5 Phải thu về cho vay

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	70.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Vũ Hoàng (*)	70.000.000.000	-
Tổng	70.000.000.000	-
<i>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>70.000.000.000</i>	<i>-</i>

(*) Hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVV-BKC-VUHOANG ngày 17/3/2025 giữa Công ty (Bên cho vay) và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại quốc tế Vũ Hoàng (Bên vay): Số tiền vay: 70 tỷ VND; Thời hạn vay: 9 tháng; Lãi suất: 8%/năm (Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Tài sản đảm bảo: Không có. Đến ngày 27/8/2025, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền gốc cho vay là 70 tỷ VND và tiền lãi lũy kế đến ngày này là 2.489.205.479 VND.

5.6 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.983.125.273	-	1.478.837.050	-
Phải thu về lãi cho vay	1.610.958.905	-	-	-
Phải thu khác	1.441.027.646	-	692.945.328	-
Tạm ứng	931.138.722	-	785.891.722	-
Dài hạn	2.393.906.193	-	2.136.456.485	-
Ký cược, ký quỹ	2.393.906.193	-	2.136.456.485	-
Tổng	6.377.031.466	-	3.615.293.535	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.610.958.905</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	5.755.916.446	-	5.755.916.446	-
Trong đó:				
	Quá hạn trên 06 tháng	Quá hạn 01 - 02 năm	Quá hạn 02 - 03 năm	Quá hạn trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch				2.890.400.620
Bó Nặm				2.865.515.826
Các đối tượng khác				5.755.916.446
Tổng				

5.8 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	56.584.627.965	(1.451.340.984)	29.267.631.803	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	2.520.050.903	-	2.441.697.577	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.478.270.404	-	8.308.148.090	-
Thành phẩm	86.653.111.144	-	48.533.493.319	-
Hàng hóa	3.252.759.611	-	15.698.511	-
Tổng	172.488.820.027	(1.451.340.984)	88.566.669.300	(1.451.340.984)

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.871.955.009	5.274.966.011
Chi phí nhà máy luyện chì	1.124.105.728	2.581.268.173
Chi phí công cụ, dụng cụ	198.190.394	533.998.647
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	900.684.880	893.612.429
Chi phí khác chờ phân bổ mỏ Nà Duồng	648.974.007	1.266.086.762
Dài hạn	76.671.868.400	56.849.484.598
Chi phí công cụ, dụng cụ	223.276.540	336.031.102
Chi phí khu chế biến chì kẽm	1.540.386.703	2.676.907.677
Chi phí xây dựng hồ thải	3.215.690.960	3.215.690.960
Chi phí dự án giải phóng mặt bằng cụm	70.440.578.173	49.111.202.785
CN Thanh Thịnh giai đoạn 1		
Chi phí khác chờ phân bổ	1.251.936.024	1.509.652.074
Tổng	79.543.823.409	62.124.450.609

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	90.641.775.550	92.433.858.079	15.563.779.341	344.630.205	3.321.067.719	202.305.110.894
Tăng trong kỳ	-	1.564.236.578	698.600.000	-	-	2.262.836.578
Mua trong kỳ	-	1.564.236.578	698.600.000	-	-	2.262.836.578
Giảm trong kỳ	-	308.562.032	878.181.818	-	-	1.186.743.850
Thanh lý, nhượng bán	-	308.562.032	878.181.818	-	-	1.186.743.850
Số dư tại 30/6/2025	90.641.775.550	93.689.532.625	15.384.197.523	344.630.205	3.321.067.719	203.381.203.622
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	66.124.019.292	81.442.190.599	7.816.698.393	344.630.205	2.946.074.706	158.673.613.195
Tăng trong kỳ	2.277.208.250	1.971.986.053	625.804.441	-	103.525.056	4.978.523.800
Khấu hao trong kỳ	2.277.208.250	1.971.986.053	625.804.441	-	103.525.056	4.978.523.800
Giảm trong kỳ	-	188.703.569	731.382.789	-	-	920.086.358
Thanh lý, nhượng bán	-	188.703.569	731.382.789	-	-	920.086.358
Số dư tại 30/6/2025	68.401.227.542	83.225.473.083	7.711.120.045	344.630.205	3.049.599.762	162.732.050.637
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	24.517.756.258	10.991.667.480	7.747.080.948	-	374.993.013	43.631.497.699
Tại 30/6/2025	22.240.548.008	10.464.059.542	7.673.077.478	-	271.467.957	40.649.152.985

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 33.458.102.703 VND (tại ngày 01/01/2025 là 35.179.633.591 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 115.997.970.137 VND (tại ngày 01/01/2025 là: 117.288.538.302 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>1.111.264.959</u>	<u>1.111.264.959</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>1.111.264.959</u>	<u>1.111.264.959</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	-	-
Tại 30/6/2025	-	-

Tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí hình thành lên giá trị quyền sử dụng đất nhà máy bột kẽm và nhà máy chì tại xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30/6/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.111.264.959 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.111.264.959 VND).

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	<u>30/6/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.766.328.741	14.766.328.741	11.902.048.907	11.902.048.907
Dự án Hồ thái mới Xí nghiệp chợ Đồn	4.757.738.395	4.757.738.395	2.512.866.305	2.512.866.305
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh	7.114.828.981	7.114.828.981	6.575.391.334	6.575.391.334
Các dự án khác	1.304.260.401	1.304.260.401	1.224.290.304	1.224.290.304
Tổng	<u>14.766.328.741</u>	<u>14.766.328.741</u>	<u>11.902.048.907</u>	<u>11.902.048.907</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a. Đầu tư vào Công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2025		01/01/2025	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			1.475.086.581	-	1.475.086.581	-
Công ty Cổ phần Đầu tư	26,50%	26,50%	1.475.086.581	-	1.475.086.581	-
Thương mại và Du lịch Bó Nặm						
Tổng			1.475.086.581	-	1.475.086.581	-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2025			01/01/2025		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			26.690.216.075		(120.000.000)	26.690.216.075		(120.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản			120.000.000		(120.000.000)	120.000.000		(120.000.000)
Luyện kim Bắc Kạn								
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	5,41%	5,41%	21.570.216.075		-	21.570.216.075		-
Công ty Cổ phần Sầu Riêng Tây Nguyên	5,18%	5,18%	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
Tổng			26.690.216.075	(*)	(120.000.000)	26.690.216.075	(*)	(120.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho cổ phần của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị dự phòng được trích lập trên khoản lỗ tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được đầu tư theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	88.726.250.240	88.726.250.240	93.590.898.695	93.590.898.695
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	4.146.646.002	4.146.646.002	7.190.262.705	7.190.262.705
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	125.381.757	125.381.757	121.256.788	121.256.788
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	72.021.756.053	72.021.756.053	72.521.756.053	72.521.756.053
Phải trả người bán ngắn hạn khác	12.432.466.428	12.432.466.428	13.757.623.149	13.757.623.149
Tổng	88.726.250.240	88.726.250.240	93.590.898.695	93.590.898.695
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>76.168.402.055</i>	<i>76.168.402.055</i>	<i>79.712.018.758</i>	<i>79.712.018.758</i>

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Nguyên liệu kim loại Phúc Nguyên Quảng Tây	924.588.542	924.588.542
Hunan Yintai Mining Co., Ltd.	7.132.000.000	-
Hunan Zhixing Import and Export Trading Co., Ltd	85.172.331	10.589.837.071
Công ty TNHH XNK thương mại Việt Hải	500.000.000	500.000.000
Người mua trả tiền trước khác	1.835.425.824	1.424.742.541
Tổng	10.477.186.697	13.439.168.154
<i>Trong đó: Người mua trả trước là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.000.000</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	13.390.707.309	32.306.615.234	38.502.899.488	7.194.423.055
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.954.860.983	4.954.860.983	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.772.804	-	8.183.191	13.589.613
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.998.461.487	15.998.461.487	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.000.502.825	3.162.971.324	12.000.502.825	3.162.971.324
Thuế thu nhập cá nhân	190.690.417	194.679.426	169.739.030	215.630.813
Thuế tài nguyên	261.994.671	3.931.325.031	2.431.289.797	1.762.029.905
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	352.735.854	864.433.467	864.433.467	352.735.854
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	563.010.738	3.199.883.516	2.075.428.708	1.687.465.546
Phải thu	21.088.212	-	-	21.088.212
Thuế giá trị gia tăng	21.088.212	-	-	21.088.212

5.17 Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	6.883.622.753	13.450.388.915
Trích lập dự phòng quỹ lương	-	8.626.822.996
Chi phí lãi vay	4.763.378.628	3.618.358.901
Các khoản khác	2.120.244.125	1.205.207.018
Tổng	6.883.622.753	13.450.388.915

5.18 Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	6.596.902.786	5.928.780.684
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (1)	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pác Lạng (2)	100.000.000	100.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (3)	3.911.834.400	3.911.834.400
Phải trả, phải nộp khác	2.231.013.226	1.562.891.124
Tổng	6.596.902.786	5.928.780.684

- (1) Cổ tức phải trả của các cổ đông chưa đăng ký lưu ký chứng khoán.
- (2) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pác Lạng.
- (3) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	92.909.703.916	92.909.703.916	104.211.562.300	28.113.858.384	16.812.000.000	16.812.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	31.256.181.932	31.256.181.932	53.703.819.480	22.447.637.548	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	25.041.521.984	25.041.521.984	28.107.742.820	3.066.220.836	-	-
Đinh Văn Hiến (3)	33.800.000.000	33.800.000.000	20.100.000.000	1.000.000.000	14.700.000.000	14.700.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (3)	2.812.000.000	2.812.000.000	2.300.000.000	1.600.000.000	2.112.000.000	2.112.000.000
Vay dài hạn	30.390.000.000	30.390.000.000	-	-	30.390.000.000	30.390.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (4)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Vũ Phi Hồ (4)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (4)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Tổng	123.299.703.916	123.299.703.916	104.211.562.300	28.113.858.384	47.202.000.000	47.202.000.000
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>56.972.000.000</i>	<i>56.972.000.000</i>			<i>37.172.000.000</i>	<i>37.172.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 33/2025-HĐCVHM/NHCT172-KSBK ngày 08/5/2025 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn (Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Hạn mức cho vay 70.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng Việt Nam). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời gian duy trì hạn mức: Đến hết ngày 08/05/2026. Thời hạn và lãi suất các khoản vay quy định cụ thể theo từng giấy nhân nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Biện pháp đảm bảo là các tài sản quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp số 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015; Hợp đồng thế chấp số 01.07/2015/HĐTC ngày 28/07/2015; Hợp đồng thế chấp số 03.06.14/HĐTC-DN ngày 11/07/2014; Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018; Hợp đồng thế chấp số 42/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp số 33/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp tiền gửi có kỳ hạn số 08/2022/HĐBĐ/NHCT172; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 43/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 44/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 45/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/2023/HĐBĐ/NHCT172 ngày 30/03/2023; Hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản số 95/2023/HĐBĐ/NHCT172 ngày 29/11/2023.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/788949/HĐTD ngày 22/07/2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cấp hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam) đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/788949/HĐTD ngày 25/06/2024. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức: có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến hết ngày 15/07/2026. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là hợp đồng đảm bảo) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.
- (3) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 8%/năm.
- (4) Hợp đồng cho vay tiền giữa các cá nhân và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay. Lãi suất cho vay là 0% - 5,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2025	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	84.924.149.369	234.928.396.177
Lãi trong kỳ này	-	-	-	12.651.885.300	12.651.885.300
Số dư tại 30/6/2025	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	97.576.034.669	247.580.281.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.332.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	6.000.000.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	48.792.000.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	117.377.280.000	117.377.280.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	121.422.240.635	162.501.296.222
Tổng	121.422.240.635	162.501.296.222
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>9.409.085</i>	<i>6.412.908.000</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	102.842.946.330	147.491.037.572
Tổng	102.842.946.330	147.491.037.572

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.618.016.849	4.259.900
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	4.224.816.147	1.809.050.962
Tổng	5.842.832.996	1.813.310.862

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	2.931.992.034	4.909.086.097
Chi phí hoạt động tài chính khác	157.500.000	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	(158.573.694)	-
Tổng	2.930.918.340	4.909.086.097

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí bán hàng	951.702.494	1.234.690.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	930.072.175	1.180.740.850
Chi phí bằng tiền khác	21.630.319	53.949.250
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.053.178.584	7.694.998.899
Chi phí nhân viên quản lý	3.116.565.568	4.749.791.585
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.998.285	77.357.702
Chi phí khấu hao TSCĐ	437.229.324	97.452.510
Thuế phí và lệ phí	437.360.440	334.521.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.086.846	781.874.519
Chi phí bằng tiền khác	1.662.938.121	1.654.001.200
Tổng	7.004.881.078	8.929.688.999

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	2.314.814.814	2.314.814.814
Thanh lý phế liệu		101.290.890
Thanh lý tài sản cố định	186.400.000	77.272.727
Thu hồi công nợ khó đòi	30.386.000	19.631.800
Thu nhập khác	153.245.454	39.070.329
Tổng	2.684.846.268	2.552.080.560
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	154.058.157	96.425.178
Khấu hao tài sản thanh lý	262.640.914	42.652.489
Chi phí khác	939.618.456	702.737.812
Tổng	1.356.317.527	841.815.479
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.328.528.741	1.710.265.081

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.814.856.624	4.695.059.497
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.814.856.624	4.695.059.497
Thu nhập tính thuế TNDN	15.814.856.624	4.695.059.497
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	3.162.971.324	939.011.900

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.651.885.300	3.756.047.597
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.651.885.300	3.756.047.597
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	1.078	320

(*): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ hoạt động có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.651.885.300	3.756.047.597
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.651.885.300	3.756.047.597
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	11.737.728	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	539	320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 11.737.728 cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 1:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 01 quyền sẽ nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành thêm). Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền nhận cổ phiếu. Quyền nhận cổ phiếu không được chuyển nhượng. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2025, sau khi có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Đầu tư phát triển tại Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Công ty (Thặng dư vốn cổ phần: 17.052.000.000 VND; Quỹ đầu tư phát triển: 15.570.000.000 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 84.755.280.000 đồng).

Ngày 21/7/2025, Ủy ban chứng khoán Nhà nước có Văn bản số 3580/UBCK-QLCB về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu, tăng khối lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 11.737.728 cổ phiếu lên 23.475.456 cổ phiếu. Đồng thời, Công ty đang thực hiện niêm yết cổ phiếu phát hành bổ sung và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.493.375.400	98.706.127.426
Chi phí nhân công	26.273.599.196	29.178.989.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.978.523.800	7.483.707.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.314.306.253	20.364.815.069
Chi phí khác bằng tiền	10.540.238.212	12.278.407.005
Tổng	163.600.042.861	168.012.046.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH sản xuất và thương mại quốc tế Vũ Hoàng	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	2.785.988.656	2.760.965.914
Tổng		2.785.988.656	2.760.965.914

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	737.064.000	722.213.715
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	60.000.000	60.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/6/2025)	56.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Minh Khuê	Ủy viên (Bỏ nhiệm từ ngày 18/6/2025)	4.000.000	-
Tổng		977.064.000	962.213.715
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	24.000.000	24.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	116.802.242	18.000.000
Tổng		158.802.242	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠNTổ 4, phường Đức Xuân,
tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt (Tiếp theo)**

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Họ và tên	Chức danh		
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	360.390.000	414.416.241
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	234.918.000	290.687.063
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	228.918.000	224.687.063
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	228.918.000	224.687.063
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	228.918.000	224.687.063
Bà Trần Thị Yên	Kế toán trưởng	212.418.000	208.187.063
Ông Nguyễn Văn Vũ	Người công bố thông tin	155.642.414	151.400.643
Tổng		1.650.122.414	1.738.752.199

Số dư với các bên liên quan

Biên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2025	01/01/2025 (Trình bày lại)
		VND	VND
<u>Phải thu khách hàng</u>		14.337.276.770	14.837.276.770
Công ty Cổ phần Đầu tư	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Thương mại và Du lịch Bó Nặm			
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Bán hàng	11.446.876.150	11.946.876.150
<u>Phải thu về cho vay</u>		70.000.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại quốc tế			
Vũ Hoàng	Cho vay	70.000.000.000	-
<u>Phải trả người bán</u>		76.168.402.055	79.712.018.758
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	4.146.646.002	7.190.262.705
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Mua hàng	72.021.756.053	72.521.756.053
<u>Phải thu khác</u>		1.610.958.905	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại quốc tế			
Vũ Hoàng	Lãi cho vay	1.610.958.905	-
<u>Người mua trả tiền trước</u>		1.000.000	-
Ông Đinh Văn Hiến	Ứng trước	1.000.000	-
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>		56.972.000.000	37.172.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yên	Vay	700.000.000	-
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	33.800.000.000	14.700.000.000
Bà Phạm Thị Hương Sen	Vay	2.000.000.000	2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
1. Mua hàng		1.512.914.000	8.707.310.705
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Thuê chế biến	-	8.228.000.705
	Mua hàng	1.512.914.000	479.310.000
2. Bán hàng		9.409.085	6.412.908.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thời	-	6.412.908.000
Ông Đinh Văn Hiến	Bán hàng	9.409.085	-
3. Giao dịch khác		100.100.294.816	46.349.101.934
	Nhận vay	-	12.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Trả vay	-	12.000.000.000
	Lãi vay	-	518.547.945
- Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Lãi vay	472.087.672	474.695.890
	Nhận vay	1.200.000.000	-
- Bà Trần Thị Yến	Trả vay	500.000.000	6.000.000
	Lãi vay	5.638.356	23.749.753
- Ông Bùi Đức Hùng	Trả vay	-	6.000.000
	Lãi vay	-	15.477.152
- Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	20.100.000.000	17.200.000.000
	Trả vay	1.000.000.000	466.000.000
	Lãi vay	627.866.301	128.222.573
- Ông Đỗ Đình Thắng	Trả vay	-	6.000.000
	Lãi vay	-	23.749.753
- Ông Nguyễn Trần Nhất	Trả vay	-	6.000.000
	Lãi vay	-	20.992.219
	Nhận vay	1.100.000.000	-
- Ông Trần Văn Quyền	Trả vay	1.100.000.000	6.000.000
	Lãi vay	-	87.973.315
- Ông Vũ Gia Hạnh	Trả vay	-	6.000.000
	Lãi vay	-	23.749.753
	Nhận vay	-	500.000.000
- Bà Phạm Thị Hương Sen	Trả vay	-	450.000.000
	Lãi vay	68.928.768	65.128.767
- Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	2.314.814.814	2.314.814.814
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại quốc tế Vũ Hoàng	Cho vay	70.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.610.958.905	-

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08/8/2025, Công ty đã thực hiện phát hành thêm cổ phiếu, tăng khối lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 11.737.728 cổ phiếu lên 23.475.456 cổ phiếu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để niêm yết cổ phiếu phát hành bổ sung và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Do kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 là kỳ kế toán hợp nhất đầu tiên của Công ty, do đó, thông tin so sánh Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh liên quan là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty Cổ phần Kháng sản Bắc Kạn chỉ mang tính chất trình bày, không mang tính chất so sánh.

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Hiến

